

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HS-PT
Ngày 27 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Các Thẩm phán

: Ông **Nguyễn Đình Dũng**

: Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Nhơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 14/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Minh T**, Sinh ngày 28 tháng 11 năm 1996, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Học lái máy móc; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu T (sinh năm 1968) và bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1973); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/12/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo tại ngoại: Có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Công N không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Bị hại: Ông **Trần Đ**, Sinh năm 1983; trú tại: phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lê Văn T**, Luật sư Văn phòng luật sư VT, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 11/8/2018, Trần Minh

T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79H1-548.48 chở Nguyễn Công N đi qua khu vực cầu số 2 thuộc thôn Mỹ Hoán, xã Ninh Thân, thị xã Ninh Hòa, thấy gần đó có nhiều xe máy mức đất đang đậu không có người trông coi, T nảy sinh ý định trộm cắp nên rủ N hút trộm dầu trong máy mức để bán nhưng N nói tháo luôn máy bơm tổng thủy lực của xe thì T đồng ý. N đến gặp người quen là Nguyễn Văn T mượn dụng cụ gồm ba-lan, mỏ lết, tua vít, cờ lê đem về cùng T tháo máy bơm xe mức hiệu TONGMYUNG-KAWASAKI, loại K3V140DT có giá trị 52.500.000 đồng của ông Trần Đ, sau đó cả hai dùng xe mô tô chở đến khu vực nghĩa địa thuộc thôn Đại Cát 2, xã Ninh Phụng cất giấu. Khuya ngày 16/8/2018, N và T sợ bị phát hiện nên đã chở máy bơm bỏ trước trụ sở Công an xã T. Bị hại đã nhận lại tài sản và được các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên xin bãi nại cho các bị cáo và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Tại Bản án số 87/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Minh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt Nguyễn Công N 01 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo, quyết định về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, bị cáo Trần Minh T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị hại đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cho là: Bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, tự nguyện trả lại tài sản đã chiếm đoạt, hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo là nặng, bị hại có yêu cầu giảm hình phạt cho bị cáo sau khi xét xử sơ thẩm nên kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 52.500.000 của người khác do Trần Minh T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân bị hại. Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (phạm tội thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ) là có căn cứ.

[2] Bản án sơ thẩm căn cứ các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã chủ động trả lại tài sản trộm cắp và tự nguyện bồi thường thiệt hại để

khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm hình phạt theo quy định tại các điểm a, b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đã xem xét đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định mức hình phạt thỏa đáng đối với bị cáo.

[3] Bị cáo đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không chấp hành đúng pháp luật, lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, việc cho hưởng án treo là không đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung, kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận, bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm:
Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 173, các Điểm a, b, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự,
Xử phạt: Trần Minh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.
2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,
Bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.
3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an TX. Ninh Hòa;
- VKSND TX. Ninh Hòa;
- TAND TX. Ninh Hòa;
- Chi cục THA DS TX. Ninh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Thị Nghĩa

